

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1
– CÔNG TY CP**

Số: **333** /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin định kỳ
trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **4** tháng 6 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP**

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 024.38350930

Fax: 024.37721232

Người thực hiện công bố thông tin: **Đinh Ngọc Vượng**

Địa chỉ: Số 498 đường Nguyễn Thị Thập, phường 6, TP Mỹ Tho, T. Tiền Giang

ĐT: 0903823527

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

(Có chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH



Đinh Ngọc Vượng

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp	9 - 34

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 09 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/09/2020 của Tổng Công ty là 700.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn*).

Tổng Công ty có trụ sở chính tại: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Đinh Ngọc Vượng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	15/01/2020	
Ông Đinh Ngọc Vượng	Thành viên	13/01/2020	
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		13/01/2020
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	13/01/2020	
Ông Đinh Ngọc Đàm	Phó chủ tịch HĐQT		13/01/2020
Ông Đinh Ngọc Đàm	Thành viên	13/01/2020	
Ông Ngô Bá Toàn	Thành viên		13/01/2020
Ông Nguyễn Duy Khôi	Thành viên		13/01/2020
Ông Nguyễn Duy Thắng	Thành viên		13/01/2020
Ông Đào Việt Tiến	Thành viên		13/01/2020
Ông Cấn Hồng Lai	Thành viên	13/01/2020	
Ông Cao Văn Mạnh	Thành viên	13/01/2020	
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Vũ Ngọc Quang	Trưởng Ban kiểm soát	13/01/2020	
Ông Võ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát		13/01/2020
Ông Võ Thành Công	Thành viên	13/01/2020	
Ông Đặng Mạnh Thuyên	Thành viên		
Ông Lê Xuân Hậu	Thành viên	13/01/2020	
Bà Hoàng Thị Thúy	Thành viên	13/01/2020	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đào Việt Tiến	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Đinh Ngọc Đàm	Phó Tổng Giám đốc		

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào, ngoài các sự kiện trình bày dưới đây, phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Đinh Ngọc Vượng

Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Số: 186/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020
của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP, được lập ngày 25 tháng 05 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.5, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn sẽ được chuyển đổi mục đích đầu tư theo Nghị quyết số 0271/2018/NQ-HĐQT ngày 03/04/2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP.

Tổng Công ty chưa thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UpCOM theo quy định tại Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2018 và Thông tư 13/2019/TT - BTC ngày 15/03/2019 về việc sửa đổi một số điều của thông tư số 180/2015/TT- BTC ngày 13/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, ý kiến của kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính tổng hợp phát hành vào ngày 14/04/2020.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.626.210.926.175	2.489.030.907.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	254.862.989.254	125.112.597.041
1. Tiền	111		190.862.989.254	78.212.597.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.000.000.000	46.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.200.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	23.200.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.884.758.245.610	1.822.609.131.054
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.007.638.395.835	943.844.981.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	310.275.721.980	257.739.156.545
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	258.000.000.000	258.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	321.353.819.485	375.534.684.662
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(12.509.691.690)	(12.509.691.690)
IV. Hàng tồn kho	140		458.771.797.919	515.161.295.493
1. Hàng tồn kho	141	5.8	458.771.797.919	515.161.295.493
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.617.893.392	6.147.883.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	201.641.803	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.729.049.874	4.219.339.937
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	687.201.715	1.928.543.549
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		601.158.353.785	572.722.975.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.304.241.275	30.988.164.531
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	31.304.241.275	30.988.164.531
II. Tài sản cố định	220		56.239.086.466	63.040.532.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	48.197.295.007	54.799.997.683
- Nguyên giá	222		290.451.687.415	293.563.377.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.254.392.408)	(238.763.379.523)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	8.041.791.459	8.240.535.043
- Nguyên giá	228		9.980.028.462	9.980.028.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.938.237.003)	(1.739.493.419)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.000.000	40.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.000.000	40.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	498.923.544.004	456.352.943.011
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.419.710.000	6.419.710.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		168.741.483.665	125.478.483.665
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		341.575.865.946	341.575.865.946
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.813.515.607)	(17.121.116.600)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.651.482.040	22.301.335.602
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	14.651.482.040	22.301.335.602
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.227.369.279.960	3.061.753.882.944

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.384.802.143.961	2.219.559.803.526
I. Nợ ngắn hạn	310		2.384.371.541.037	2.218.786.479.849
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.274.774.915.802	1.372.887.879.652
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	498.874.701.677	296.383.034.153
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	145.675.633.748	144.074.352.059
4. Phải trả người lao động	314		23.580.946.767	18.673.675.460
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	46.606.629.575	37.557.788.532
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	595.980.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	119.602.952.104	142.282.486.920
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	274.432.902.384	205.483.424.093
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		822.858.980	847.858.980
II. Nợ dài hạn	330		430.602.924	773.323.677
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	430.602.924	773.323.677
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		842.567.135.999	842.194.079.418
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	842.567.135.999	842.194.079.418
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.756.094.653	22.756.094.653
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.811.041.346	119.437.984.765
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		119.437.984.765	114.298.163.463
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		373.056.581	5.139.821.302
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.227.369.279.960	3.061.753.882.944
(440 = 300+400)				

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Huy Phương

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Ngọc Vượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	337.674.389.178	539.948.815.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		337.674.389.178	539.948.815.903
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	329.457.654.519	523.891.725.297
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.216.734.659	16.057.090.606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	61.345.835.531	48.420.717.893
7. Chi phí tài chính	22	5.23	14.136.129.311	15.259.284.619
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.315.404.491	13.759.766.030
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	47.936.924.333	41.141.106.236
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.489.516.546	8.077.417.644
12. Thu nhập khác	31		2.574.745.806	21.048.410.382
13. Chi phí khác	32		9.691.205.771	16.665.428.863
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	(7.116.459.965)	4.382.981.519
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		373.056.581	12.460.399.163
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	7.320.577.861
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		373.056.581	5.139.821.302

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Huy Phương

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Ngọc Vượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	373.056.581	12.460.399.163
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	6.801.446.260	7.590.178.915
- Các khoản dự phòng	03	692.399.007	(13.544.229.683)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.164.165)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.952.809.736)	(38.900.989.556)
- Chi phí lãi vay	06	13.315.404.491	13.759.766.030
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(29.770.503.397)	(18.636.039.296)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(77.555.632.580)	133.574.011.352
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	56.389.497.574	35.491.590.995
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	89.349.873.556	(231.902.034.389)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.448.211.759	10.714.418.584
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.286.091.565)	(8.153.118.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(59.498.385)	(3.035.024.322)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(25.000.000)	(1.690.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.490.856.962	(83.636.195.261)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	164.545.455	2.801.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.000.000.000)	(17.380.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.688.232.258	3.484.054.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.652.777.713	(11.094.945.496)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	185.794.671.791	138.873.858.257
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(117.187.914.253)	(178.768.466.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68.606.757.538	(39.894.608.042)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	129.750.392.213	(134.625.748.799)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	125.112.597.041	259.737.181.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.164.165
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	254.862.989.254	125.112.597.041

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Trần Huy Phương

Đinh Ngọc Vượng



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/09/2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 09 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/09/2020 của Tổng Công ty là 700.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NO1 - JSC**

Tên viết tắt là: **CIENCO1**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 38350930 - 38350096

Fax: (84-4) 37721232

E-mail: vanphongcienco1@gmail.com

Website: <http://cienco1.com/>

Người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty:

1. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 02/09/2020 là Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nguyễn Ngọc Hoà và Tổng Giám đốc Đào Việt Tiến.

2. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 03/09/2020 là Ông Đinh Ngọc Vượng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Số lao động bình quân trọng năm là: 430 người (năm 2019 là: 470 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.
- Kiểm tra và Phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình; Thí nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát thiết kế lập luận chứng minh kinh tế kỹ thuật, tư vấn kỹ thuật các công trình giao thông và dân dụng; Tư vấn giám sát, thẩm tra thí nghiệm các công trình giao thông và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước. Thiết kế điện chiếu sáng đô thị, mạng điện xí nghiệp.
- Tư vấn quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng công trình: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2020 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty có các Công ty con như sau:

<u>STT</u>	<u>Đơn vị</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
I	Tên Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Xây dựng dân dụng	51%	51%

Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty có các Công ty liên kết như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng công trình 1 (*)	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	56.93%	56.93%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Xây dựng đường bộ	48.00%	48.00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Xây dựng đường bộ	48.00%	48.00%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Xây dựng công trình giao thông	45.00%	45.00%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Xây dựng dân dụng	33.57%	33.57%
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	32.96%	32.96%
7	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Thu giá phí cầu Cổ Chiên	49.00%	49.00%
8	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	25.40%	25.40%
9	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	21.05%	21.05%
10	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	Thu giá phí cầu Việt Trì	22.81%	22.81%

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

(*): Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 56.93%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2020, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc như sau:

STT Tên đơn vị phụ thuộc

- 1 Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 1 - Công ty CP
- 2 Công ty thi công cơ giới 1
- 3 Công ty Xây dựng 123
- 4 Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cienco 1
- 5 Xí nghiệp Cầu 17
- 6 Xí nghiệp Cầu 18
- 7 Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính:

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con, người sử dụng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Tổng Công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Việc đối chiếu nợ phải thu, theo dõi phân tích tuổi nợ để làm cơ sở ước tính giá trị cần trích lập dự phòng được Tổng Công ty thực hiện tại thời điểm cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản cố định hữu hình

Nhà xưởng và vật kiến trúc
Máy móc và thiết bị
Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Tài sản cố định khác

Thời gian khấu hao số

(số năm)

15 - 25

03 - 12

06 - 10

03 - 08

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước bao gồm khoản phải trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định của kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng:

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hoạt động xây dựng, dịch vụ trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa, ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Tổng công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là: hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ và hoạt động khác. Tuy nhiên, doanh thu, giá vốn của hoạt động dịch vụ và hoạt động khác chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu và giá vốn của Tổng Công ty và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	3.164.891.047	3.791.391.712
Tiền gửi ngân hàng	187.698.098.207	74.421.205.329
Các khoản tương đương tiền (*)	64.000.000.000	46.900.000.000
Tổng	254.862.989.254	125.112.597.041

(*): Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - phòng giao dịch Thanh Nhàn, Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Phương Đông kỳ hạn không quá 3 tháng, với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,1%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	23.200.000.000	23.200.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	23.200.000.000	23.200.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	23.200.000.000	23.200.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.007.638.395.835	943.844.981.537
Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh - công trình Cầu Hòa Trung (*)	136.863.567.000	136.863.567.000
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc Phòng - công trình sân bay Cam Ranh (*)	100.745.398.328	100.745.398.328
Ban quản lý dự án 2: Gói thầu PK1C/Quốc lộ 3	124.686.156.982	68.734.347.853
Phải thu các đối tượng khác (**)	645.343.273.525	637.501.668.356
Tổng	1.007.638.395.835	943.844.981.537

(*): Công trình đang chờ nghiệm thu quyết toán.

(**): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

- MÃ B 09-DN

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc Phòng	51.401.351.906	51.471.146.906
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	60.932.776.221	-
Các đối tượng khác (*)	197.941.593.853	206.268.009.639
Trong đó trả trước là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 6.1)	675.404.600	675.404.600
Tổng	310.275.721.980	257.739.156.545

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn.

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu về cho vay khác (*)	258.000.000.000	258.000.000.000
Tổng	258.000.000.000	258.000.000.000

(*): Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn sẽ được chuyển đổi mục đích đầu tư theo Nghị quyết số 0271/2018/NQ-HĐQT ngày 03/04/2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP.

5.6 Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	321.353.819.485	-	375.534.684.662	-
Phải thu về lãi cho vay, lãi hoạt động đầu tư	82.681.746.576	-	59.601.575.622	-
Phải thu người lao động	5.696.797.529	-	6.561.095.184	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.868.462.160	-	2.868.462.160	-
Tạm ứng cho tổ đội thi công	105.426.430.682	-	111.851.440.546	-
Phải thu khác	124.680.382.538	-	194.652.111.150	-
b) Dài hạn	31.304.241.275	-	30.988.164.531	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	956.560.157	-	961.504.121	-
Công ty Cổ phần BOT Cầu Bạch Đằng	30.347.681.118	-	30.026.660.410	-
Tổng	352.658.060.760	-	406.522.849.193	-

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	12.509.691.690	-	12.509.691.690	-
Dự phòng phải thu khó đòi	12.509.691.690		12.509.691.690	
	Quá hạn từ 6 năm đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
<i>Trong đó:</i> Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn				12.509.691.690

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	811.840.952	-	811.839.533	-
Công cụ, dụng cụ	147.078.629	-	147.078.629	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	457.594.397.014	-	511.013.796.575	-
Thành phẩm	218.481.324	-	218.480.756	-
Hàng hóa	-	-	2.970.100.000	-
Tổng	458.771.797.919	-	515.161.295.493	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	201.641.803	-
Chi phí công cụ dụng cụ	201.641.803	-
Dài hạn	14.651.482.040	22.301.335.602
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư công trình	12.485.033.611	17.744.675.631
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.415.781.457	-
Chi phí khác	750.666.972	4.556.659.971
Tổng	14.853.123.843	22.301.335.602

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

10 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	88.965.564.015	159.362.752.803	39.117.746.629	4.213.680.371	1.903.633.388	293.563.377.206
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	855.385.429	1.018.846.710	1.237.457.652	3.111.689.791
Thanh lý	-	-	855.385.429	1.018.846.710	-	1.874.232.139
Phân loại lại	-	-	-	-	1.237.457.652	1.237.457.652
Số dư tại 31/12/2020	88.965.564.015	159.362.752.803	38.262.361.200	3.194.833.661	666.175.736	290.451.687.415
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	54.289.402.612	140.927.280.511	37.593.507.212	4.057.483.831	1.895.705.357	238.763.379.523
Tăng trong năm	1.759.275.160	3.525.468.218	1.234.620.280	75.410.987	7.928.031	6.602.702.676
Chấu hao trong năm	1.759.275.160	3.525.468.218	1.234.620.280	75.410.987	7.928.031	6.602.702.676
Giảm trong năm	-	-	855.385.429	1.018.846.710	1.237.457.652	3.111.689.791
Thanh lý	-	-	855.385.429	1.018.846.710	-	1.874.232.139
Phân loại lại	-	-	-	-	1.237.457.652	1.237.457.652
Số dư tại 31/12/2020	56.048.677.772	144.452.748.729	37.972.742.063	3.114.048.108	666.175.736	242.254.392.408
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
ại 01/01/2020	34.676.161.403	18.435.472.292	1.524.239.417	156.196.540	7.928.031	54.799.997.683
ại 31/12/2020	32.916.886.243	14.910.004.074	289.619.137	80.785.553	-	48.197.295.007

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 152.418.851.158 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 146.918.635.264 đồng)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là: 37.636.299.939 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 38.077.968.391 đồng).

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2020	9.910.028.462	70.000.000	9.980.028.462
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	9.910.028.462	70.000.000	9.980.028.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	1.669.493.419	70.000.000	1.739.493.419
Tăng trong năm	198.743.584	-	198.743.584
Khấu hao trong năm	198.743.584		198.743.584
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.868.237.003	70.000.000	1.938.237.003
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	8.240.535.043	-	8.240.535.043
Tại 31/12/2020	8.041.791.459	-	8.041.791.459

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

áo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

	Tỷ lệ	31/12/2020	01/01/2020	Đơn vị tính: VND
Vốn nắm giữ biểu quyết	Quyền biểu quyết	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Dự phòng
I. Đầu tư vào Công ty con		6.419.710.000	(1.003.668.465)	6.419.710.000
Đầu tư vào Công ty con	50,80%	6.419.710.000	(1.003.668.465)	6.419.710.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	56,93%	168.741.483.665	(16.809.847.142)	125.478.483.665
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư XDCT I(**)	56,93%	2.860.727.287	-	2.860.727.287
Đầu tư vào Công ty Cổ phần XD Giao thông & TM 124	48,00%	7.200.000.000	(7.200.000.000)	7.200.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	48,00%	6.214.309.449	-	6.214.309.449
Đầu tư vào Công ty Cổ phần XDCT 15 - Cienco1	45,00%	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cienco1 (CIC)	33,57%	2.350.000.000	(2.349.999.999)	2.350.000.000
Đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	49,00%	92.663.000.000	-	92.663.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần SXVL và XDCT 119 - Cienco1	25,40%	586.812.929	(586.812.929)	586.812.929
Đầu tư vào Công ty Cổ phần PT Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco1	21,05%	1.263.234.000	(518.314.022)	1.263.234.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	22,81%	48.532.400.000	-	48.532.400.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần SXVL & XD công trình 1	32,96%	2.571.000.000	(1.654.720.192)	2.571.000.000
II. Đầu tư vào đơn vị khác		341.575.865.946	-	341.575.865.946
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	18,58%	70.000.000.000	-	70.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cầu 12	19,60%	11.175.375.096	-	11.175.375.096
Đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	18,00%	148.172.580.000	-	148.172.580.000
Đầu tư vào Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	15,40%	21.050.000.000	-	21.050.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Bạch Đằng	10,00%	85.500.000.000	-	85.500.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần ĐT & XD Hạ tầng Anphnam	3,31%	4.025.905.831	-	4.025.905.831
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Nam	16,23%	1.622.005.019	-	1.622.005.019
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Việt Nam	-	20.000.000	-	20.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Thăng Long	-	10.000.000	-	10.000.000
Cộng		516.737.059.611	(*) (17.813.515.607)	473.474.059.611
			(*)	(17.121.116.600)

ÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

o cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

2. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

b): Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 56.93%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết.

c giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 6.1

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.274.774.915.802	1.274.774.915.802	1.372.887.879.652	1.372.887.879.652
Công ty Cổ phần Licogi 13	22.672.544.304	22.672.544.304	17.812.387.506	17.812.387.506
Công ty Cổ phần LISEMCO	24.240.928.026	24.240.928.026	13.655.950.070	13.655.950.070
Công ty TNHH MTV 17	24.898.778.335	24.898.778.335	36.537.783.876	36.537.783.876
Công ty CPXD dịch vụ & TM 68	39.259.543.801	39.259.543.801	28.315.984.384	28.315.984.384
Công ty Cổ phần Cầu 14	45.115.020.063	45.115.020.063	47.185.405.515	47.185.405.515
Công ty Cổ phần HASSYU Việt Nam	39.014.880.886	39.014.880.886	38.846.215.045	38.846.215.045
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác (*)	1.079.573.220.387	1.079.573.220.387	1.190.534.153.256	1.190.534.153.256
<i>Trong đó, số dư Phải trả các bên liên quan chi tiết tại 6.1</i>	<i>18.051.100.518</i>	<i>18.051.100.518</i>	<i>8.392.194.743</i>	<i>8.392.194.743</i>
Tổng	1.274.774.915.802	1.274.774.915.802	1.372.887.879.652	1.372.887.879.652

(*): Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình giao thông Đà Nẵng - QL 14B	129.555.225.000	153.663.276.494
Ban quản lý dự án 7 (Mỹ Thuận 2)	114.093.912.757	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư BOT Tp Hồ Chí Minh - Trung Lương	48.300.000.000	48.000.000.000
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Giao thông Bắc Ninh - công trình cầu Phật Tích	56.555.094.006	32.433.215.847
Các khoản người mua trả tiền trước khác (*)	150.370.469.914	62.286.541.812
Tổng	498.874.701.677	296.383.034.153

(*): Các khoản người mua trả tiền trước bao gồm khoản người mua trả tiền trước các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua trả tiền trước.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Phải nộp	144.074.352.059	11.022.505.793	9.421.224.104	145.675.633.748
Thuế giá trị gia tăng	112.864.984.928	5.046.830.546	320.792.664	117.591.022.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.211.080.667	-	400.393.185	25.810.687.482
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.474.072	260.781.820	193.647.019	1.472.608.873
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	141.735.431	921.051.396	720.576.545	342.210.282
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.451.076.961	4.793.842.031	7.785.814.691	459.104.301
Phải thu	1.928.543.549	900.447.034	340.894.800	687.201.715
Thuế giá trị gia tăng	951.475.820	836.443.674	-	115.032.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp	340.894.800	-	340.894.800	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	64.003.360	64.003.360	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	572.169.569	-	-	572.169.569

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	46.606.629.575	37.557.788.532
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh phải trả	29.838.424.633	14.073.339.377
Trích trước chi phí công trình	16.768.204.942	23.484.449.155
Tổng	46.606.629.575	37.557.788.532

5.17 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	119.602.952.104	142.282.486.920
Kinh phí công đoàn	3.253.349.311	3.002.443.335
Bảo hiểm xã hội	47.990.239.556	44.904.410.873
Bảo hiểm y tế	1.431.554.331	-
Bảo hiểm thất nghiệp	634.195.026	-
Cổ tức phải trả	29.208.195.200	29.208.195.200
Phải trả, phải nộp khác	37.085.418.680	65.167.437.512
Tổng	119.602.952.104	142.282.486.920

BẢNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 (VND)		Trong năm		01/01/2020 (VND)	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	224.291.440.310	224.291.440.310	185.794.671.791	115.855.597.686	154.352.366.205	154.352.366.205
· Chi nhánh Đồng Đô	5.835.428.325	5.835.428.325	3.588.844.322	10.499.151.492	12.745.735.495	12.745.735.495
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	58.239.623.974	58.239.623.974	83.241.403.686	72.892.768.703	47.890.988.991	47.890.988.991
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.113.914.228	64.113.914.228	-	19.011.525.826	83.125.440.054	83.125.440.054
· Chi nhánh Bắc Hà Nội (2)						
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-	-	5.284.590.665	5.284.590.665	5.284.590.665
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.858.854.203	21.858.854.203	21.858.854.203	-	-	-
· Chi nhánh Hai Bà Trưng						
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng	39.200.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000	-	-	-
Công nghệ Nam Anh	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần QH PLUS	10.379.169.580	10.379.169.580	10.379.169.580	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Long	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TM và Xây dựng Trung Chính	11.664.450.000	11.664.450.000	14.526.400.000	8.167.561.000	5.305.611.000	5.305.611.000
Vay các đối tượng khác	50.572.064.998	50.572.064.998	-	1.332.316.567	51.904.381.565	51.904.381.565
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	989.595.814	989.595.814	989.595.814
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (3)	49.699.217.141	49.699.217.141	-	-	49.699.217.141	49.699.217.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	872.847.857	872.847.857	-	342.720.753	1.215.568.610	1.215.568.610
Grừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (c)	50.141.462.074	50.141.462.074	-	989.595.814	51.131.057.888	51.131.057.888
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	989.595.814	989.595.814	989.595.814
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	49.699.217.141	49.699.217.141	-	-	49.699.217.141	49.699.217.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	442.244.933	442.244.933	-	-	442.244.933	442.244.933
Cộng các khoản vay dài hạn (d) =(b-c)	430.602.924	430.602.924	-	-	773.323.677	773.323.677
Tổng (a+c+d)	274.863.505.308	274.863.505.308	185.794.671.791	116.845.193.500	206.256.747.770	206.256.747.770

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

áo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

); Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 46/2020/HĐTD/HTH/01 ngày 07/05/2020 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông - CTCP cấp hạn mức tín dụng: 633.229.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 533.229.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thi công xây dựng các công trình giao thông. Thời gian sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 07/05/2020. Lãi suất được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là các hợp đồng đảm bảo số: 135/2016/HĐBD/HTH/01 ngày 31/10/2017, Hợp đồng đảm bảo số 179/2018/HĐBD/HTH/01 ngày 12/09/2018, các hợp đồng đảm bảo ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực hợp đồng này; các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của các hợp đồng đảm bảo này.

); Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/93409/HĐTD ngày 08/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP cấp hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ vay ngắn hạn của Tổng Công ty tại ngân hàng được ưu tiên tiếp từ các hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/93409/HĐTD ngày 01/08/2017 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày gia hạn hợp đồng này.

Vay dài hạn

); Hợp đồng tín dụng số 12215/360/TDTH ngày 09/10/2015 giữa ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP số tiền hạn mức tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm mục đích tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện Gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án "Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau" theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 175/2015/HĐTC ngày 03/08/2015 được ký giữa Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh với liên danh nhà thầu là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên kể từ ngày bên được cấp tín dụng bắt đầu nhận tiền vay. Lãi suất áp dụng định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng. Biện pháp đảm bảo là thế chấp quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/HĐTC ký ngày 03/08/2015.

ÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

áo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
ố dư tại 01/01/2019	700.000.000.000	21.493.480.160	116.192.085.202	837.685.565.362
ăng trong năm	-	1.262.614.493	5.139.821.302	6.402.435.795
hân phối lợi nhuận	-	1.262.614.493	-	1.262.614.493
ãi trong năm	-	-	5.139.821.302	5.139.821.302
hãm trong năm	-	-	1.893.921.739	1.893.921.739
ích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	631.307.246	631.307.246
ích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.262.614.493	1.262.614.493
ố dư tại 31/12/2019	700.000.000.000	22.756.094.653	119.437.984.765	842.194.079.418
ố dư tại 01/01/2020	700.000.000.000	22.756.094.653	119.437.984.765	842.194.079.418
ăng trong năm	-	-	373.056.581	373.056.581
ãi trong năm	-	-	373.056.581	373.056.581
hãm trong năm	-	-	-	-
ố dư tại 31/12/2020	700.000.000.000	22.756.094.653	119.811.041.346	842.567.135.999

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Hiền	172.135.520.000	172.135.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	117.676.940.000	117.676.940.000
Công ty Cổ phần Thương mại nước giải khát Khánh An	134.477.000.000	134.477.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	200.035.340.000	200.035.340.000
Cổ đông khác	75.675.200.000	75.675.200.000
Tổng	700.000.000.000	700.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.893.921.739

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.154.950.364	5.835.566.748
Doanh thu hợp đồng xây dựng	329.723.478.117	523.012.321.759
Doanh thu khác	2.795.960.697	11.100.927.396
Tổng	337.674.389.178	539.948.815.903

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.735.934.845	3.767.520.965
Giá vốn hợp đồng xây dựng	324.895.542.930	509.023.276.937
Giá vốn khác	1.826.176.744	11.100.927.395
Tổng	329.457.654.519	523.891.725.297

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	28.689.167.529	48.025.219.167
Phí bảo lãnh và lãi khoản tạm giữ để cam kết chất lượng	8.845.099.972	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.263.642.207	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.547.925.823	92.186.886
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	303.311.840
Tổng	61.345.835.531	48.420.717.893

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	13.315.404.491	13.759.766.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	108.708.207	765.297
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	692.399.007	380.779.669
Chi phí hoạt động tài chính khác	19.617.606	1.117.973.623
Tổng	14.136.129.311	15.259.284.619

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.936.924.333	41.141.106.236
Chi phí nhân viên quản lý	30.971.225.319	34.686.971.493
Chi phí vật liệu quản lý	1.826.476.686	2.741.536.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.159.253	-
Chi phí khấu hao	2.756.319.085	2.841.536.997
Thuế, phí, lệ phí	727.225.784	-
Chi phí dự phòng	-	(10.785.218.232)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.874.706.622	2.125.295.647
Chi phí khác bằng tiền	8.719.811.584	9.530.983.338
Tổng	47.936.924.333	41.141.106.236

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thi công	930.113.371	9.157.902.535
Thu thanh lý tài sản cố định	164.545.455	-
Thu cho thuê máy thi công	1.153.150.020	-
Thu nhập khác	326.936.960	11.890.507.847
Tổng	2.574.745.806	21.048.410.382
Chi phí khác		
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	223.290.384	9.124.229.611
Tiền phạt theo kết luận Thanh tra thuế số 59452/KL- TT ngày 30/7/2019	5.291.723.959	-
Các khoản phạt, lãi chậm nộp BHXH	3.453.983.243	3.262.415.283
Chi phí khác	722.208.185	4.278.783.969
Tổng	9.691.205.771	16.665.428.863
Lợi nhuận khác	(7.116.459.965)	4.382.981.519

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kết toán/(Lỗ) trước thuế	373.056.581	12.460.399.163
Điều chỉnh tăng	8.745.707.202	11.535.072.278
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>8.745.707.202</i>	<i>11.535.072.278</i>
Điều chỉnh giảm	22.263.642.207	45.161.490.769
<i>Thu nhập đã tính thuế TNDN kỳ trước</i>	<i>-</i>	<i>45.161.490.769</i>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>22.263.642.207</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế công ty	(13.144.878.424)	(21.166.019.328)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (1)	-	-
Thuế TNDN truy thu (2)	-	7.320.577.861
Tổng (3) = (1+2)	-	7.320.577.861

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương, thu nhập	3.032.672.727	2.945.600.000
Tổng		3.032.672.727	2.945.600.000

Số dư với các bên liên quan

Nội dung	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải trả người bán			18.051.100.518	8.392.194.743
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Công ty con	Công nợ phải trả về thi công	16.158.617.012	6.499.711.237
Xí nghiệp Cầu 17 phải trả Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121	Đơn vị phụ thuộc	Công nợ phải trả về thi công	1.892.483.506	1.892.483.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn			675.404.600	675.404.600
Xí nghiệp Cầu 17 trả trước Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121	Đơn vị phụ thuộc	Công nợ ứng trước về thi công	675.404.600	675.404.600

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Công ty con	Mua hàng	13.996.560.558	13.656.296.650
	Công ty con	Bán hàng	961.973.336	-

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA) với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Trần Huy Phương

Đinh Ngọc Vương

